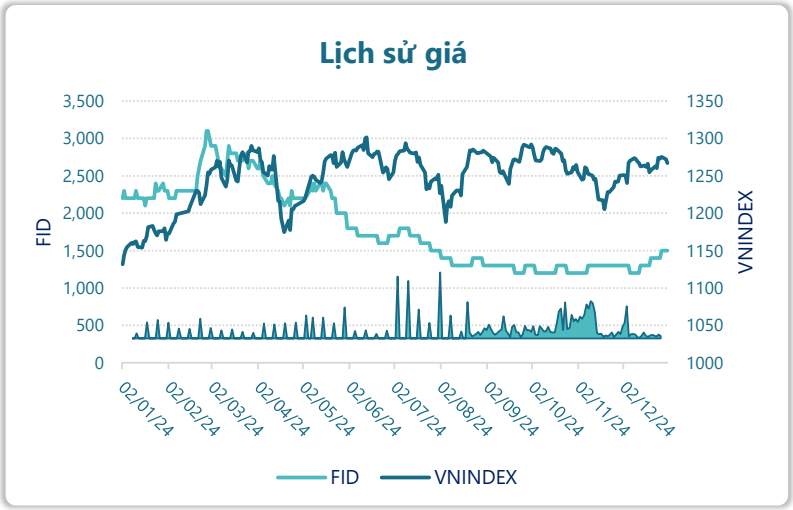
FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam (HNX: FID)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**1,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200
SL cổ phiếu LH	24,715,958
KLGD BQ 20 phiên (CP)	92,900
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	37
P/E	3.0
EPS	508

DT thuần

Q4/24

36.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.6| 523%

YoY: ▲ 5.60| 18.1%

LN sau thuế

Q4/24

21.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 22.4| 1892%

YoY: ▲ 22.0| 2812%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

30.9%

+/- YoY: ▲ 63.4%

DT thuần

2024

56.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼28.0| -33.2%

LN sau thuế

2024

17.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 44.7| 163%

ROE

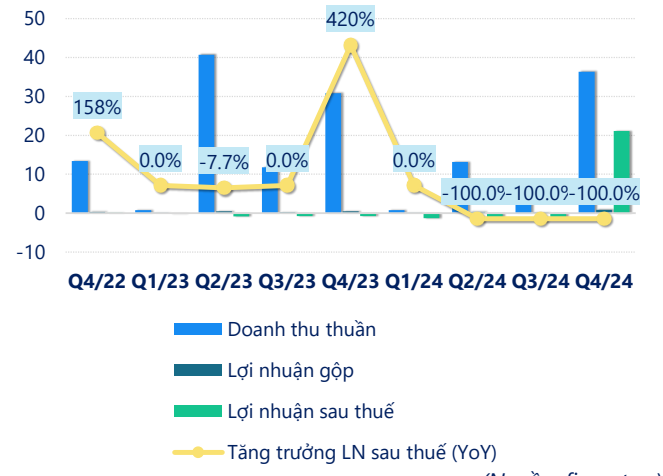
2024

4.5%

+/- YoY: ▲ 12.9%

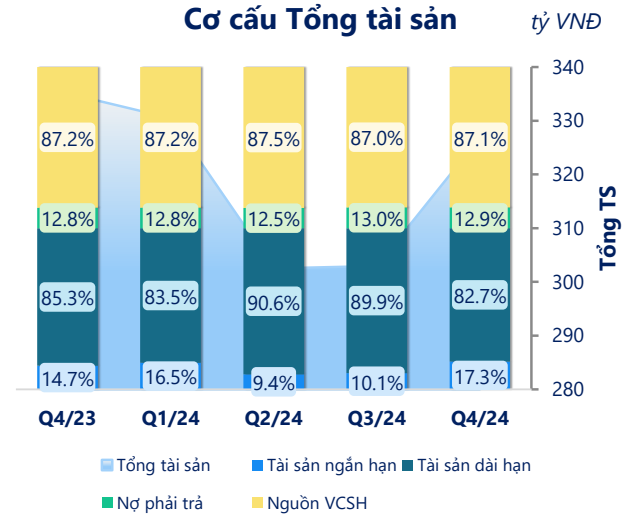
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



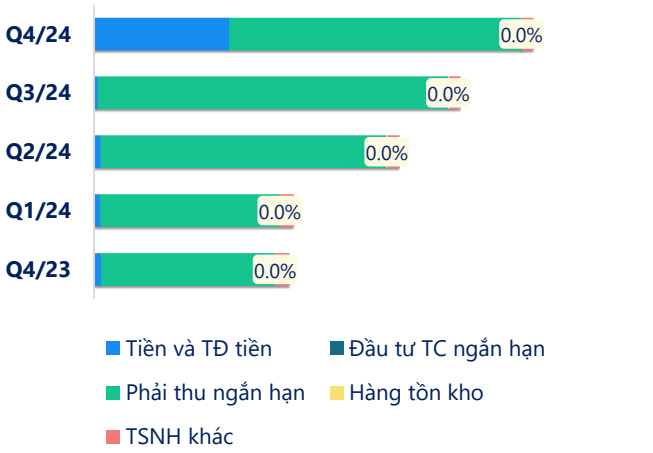
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



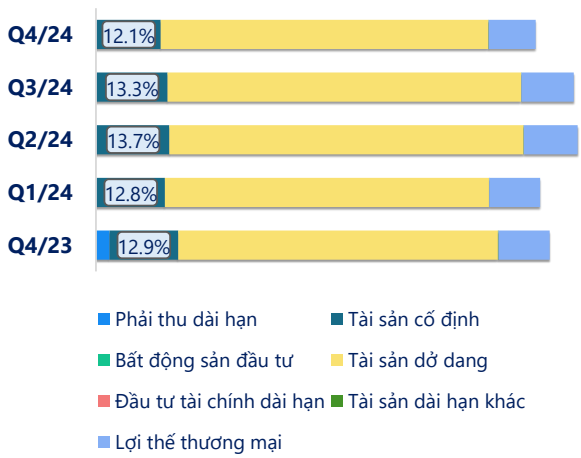
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



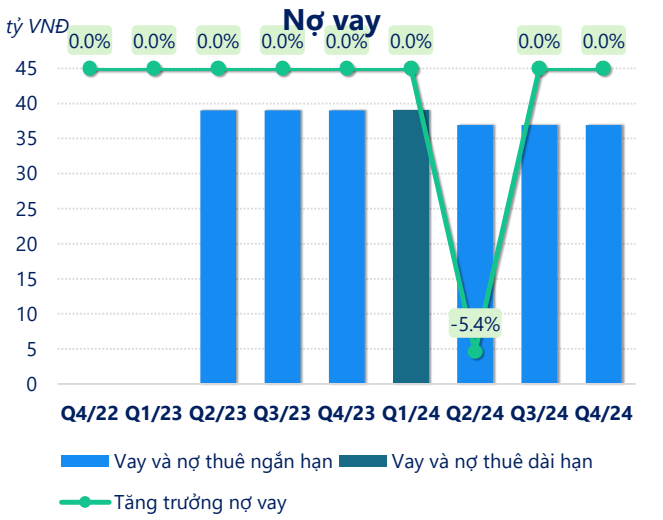
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



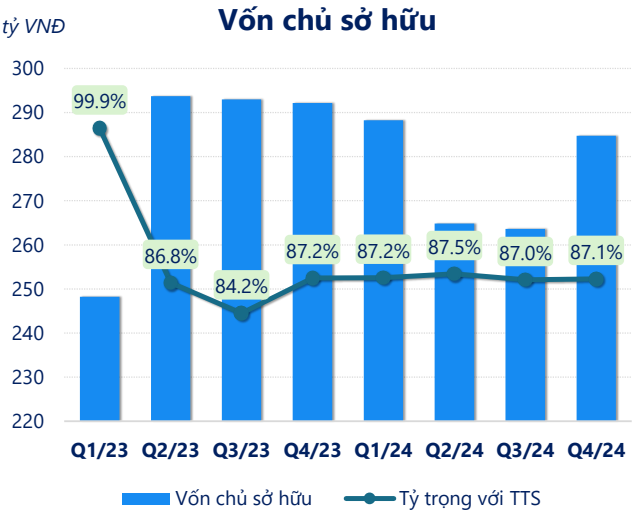
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



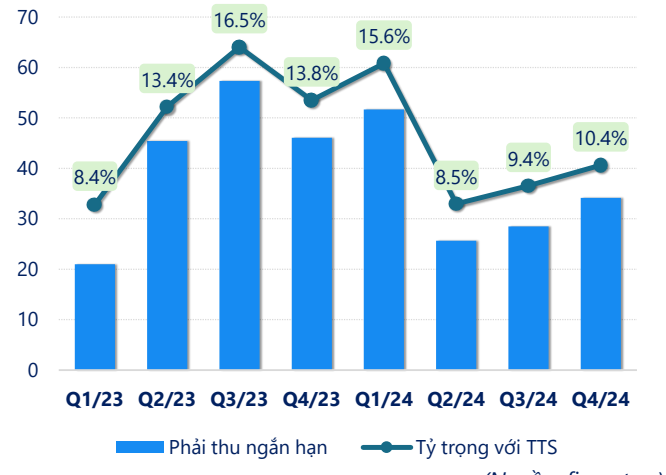
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



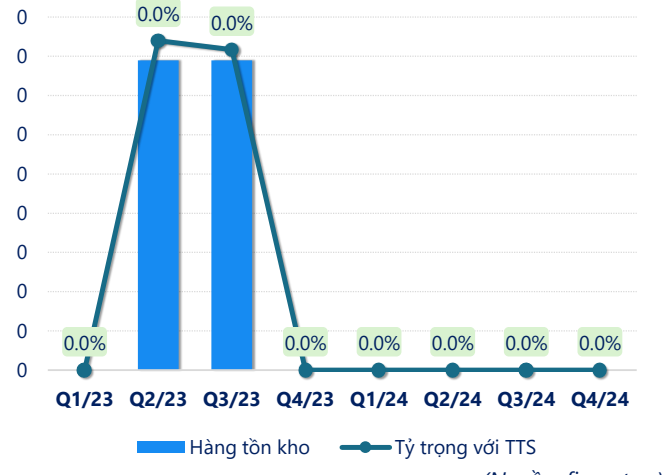
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



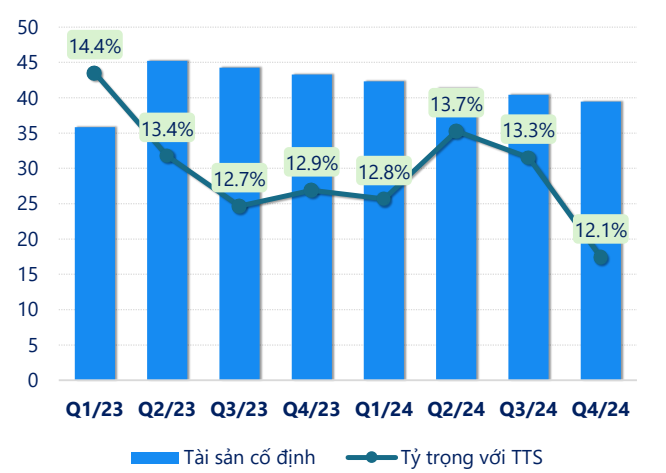
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



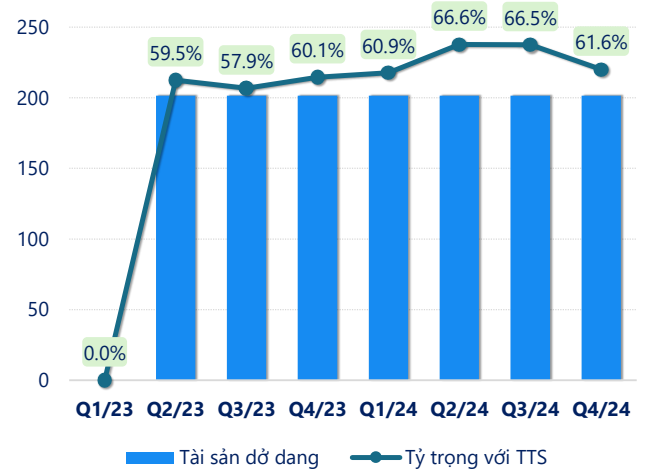
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



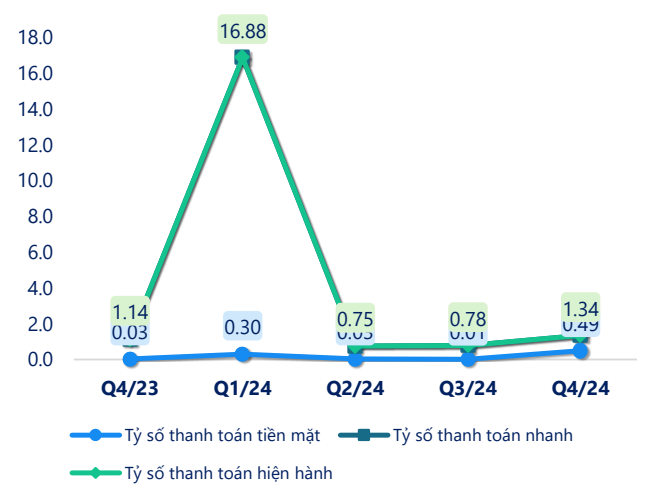
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



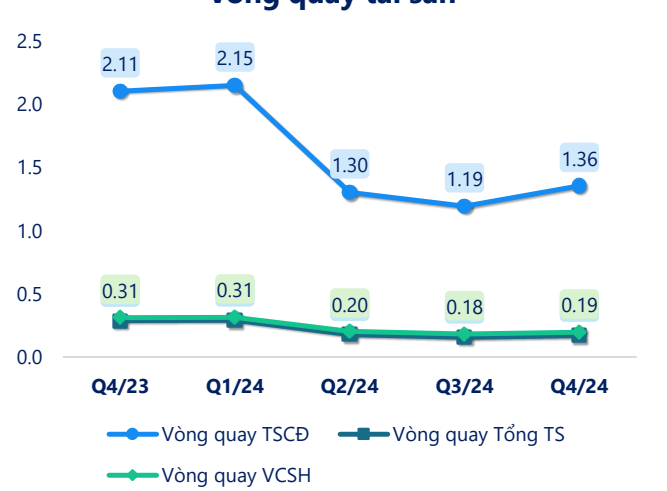
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**335**	**330**	**303**	**303**	**327**
Tài sản ngắn hạn	**49.1**	**54.5**	**28.4**	**30.7**	**56.6**
Tiền và tương đương tiền	1.14	0.98	0.96	0.52	20.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	46.1	51.7	25.7	28.5	34.1
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	1.88	1.83	1.80	1.74	1.69
Tài sản dài hạn	**286**	**276**	**274**	**272**	**270**
Phải thu dài hạn	8.52	0.44	0.44	0.44	0.44
Tài sản cố định	43.3	42.3	41.4	40.4	39.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	201	201	201	201	201
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.38	0.32	0.26	0.20	0.14
Lợi thế thương mại	32.4	31.5	30.6	29.8	28.9
Nợ phải trả	**42.9**	**42.2**	**37.7**	**39.3**	**42.1**
Nợ ngắn hạn	**42.9**	**3.23**	**37.7**	**39.3**	**42.1**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	39.0	0	36.9	36.9	36.9
Phải trả người bán ngắn hạn	3.26	2.67	0.23	1.84	4.15
Nợ dài hạn	0	39.0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	39.0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**292**	**288**	**265**	**264**	**285**
Vốn chủ sở hữu	**292**	**288**	**265**	**264**	**285**
Vốn điều lệ	247	247	247	247	247
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)